

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-ST  
Ngày 22-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Khánh, ông Lê Khắc Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H Yển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HS ngày 08/8/2022, đối với bị cáo:

Nông Thị T, sinh ngày 20/3/1974 tại Nguyên Bình, Cao Bằng; Nơi ĐKKHKT: Buôn Ê, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Nơi tạm trú: Tổ 7, khu phố Đồng S, thị trấn Lai U, huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Ngọc T (đã chết) và bà Nông Thị S, sinh năm 1954; Bị cáo có chồng: Đinh Quang Đ, sinh năm 1974 (đã ly hôn) và 02 con sinh, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện EaKar. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Thôn 1, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (*Có mặt*).

- Người làm chứng:

+ Bà Dương Thị L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn 1, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt*).

+ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2016, Nông Thị T đang là giáo viên công tác tại trường tiểu học Nguyễn Du thuộc xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Qua quen biết chị Dương Thị L và biết gia đình chị L đang muốn xin việc cho anh Nguyễn Trung H (là chồng chị L) nên T nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. Sau đó, T liên lạc với bà Nguyễn Thị H (là mẹ anh H) và giới thiệu T có quen biết nhiều người, có khả năng xin được việc cho người khác vào dạy ở các trường trong địa bàn huyện EaKar và hứa hẹn sẽ xin việc cho anh Hiếu vào dạy học tại huyện EaKar với số tiền 200.000.000 đồng, thì bà H đồng ý. Đến khoảng tháng 7/2016, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47N5-9710 đến cửa hàng thuốc thú y Thu H (của chị Nguyễn Thị Thu H là con gái bà H) tại thôn 8, xã Ea Ô, huyện EaKar gặp bà H và nhận số tiền 100.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 8/2016, T nói dối bà H là sắp có quyết định và yêu cầu bà H đưa thêm số tiền 100.000.000 đồng, sau đó T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47N5-9710 đến cửa hàng thuốc thú y Thu H tại thôn 8, xã Ea Ô, huyện EaKar gặp bà H và nhận số tiền 100.000.000 đồng.

Sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà H, T có viết giấy hợp đồng đề ngày 04/8/2016 với nội dung: *Tên tôi là Nông Thị T có nhận của cô Nguyễn Thị H 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) để xin việc cho em Nguyễn Trung H bằng trung cấp tin học vào biên chế chính thức tại huyện EaKar. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm, người viết Nông Thị T.* Tuy nhiên, Sau khi nhận tiền từ bà H, T đã không đưa tiền cho ai để nhờ xin việc cho Hiếu mà sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết (không nhớ cụ thể sử dụng vào việc gì). Bà H đã nhiều lần yêu cầu T trả lại số tiền trên nhưng T không có trả nên ngày 05/01/2019 T có viết giấy xin khất nợ, hẹn đến ngày 28/12/2019 âm lịch sẽ trả cho bà H. Nhưng đến hạn trả T không trả cho bà H được số tiền trên nên bà H làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar. Ngày 18/4/2021, T đến làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện EaKar, sau đó bỏ đi khỏi địa phương và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện EaKar ra quyết định khởi tố bị can, quyết định truy nã. Đến ngày 30/4/2022 bị cáo Nông Thị T bị bắt và tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện EaKar để làm rõ hành vi phạm tội.

- Vật chứng thu giữ: 01 giấy hợp đồng đề ngày 04/8/2016; 01 giấy xin khất nợ đề ngày 05/01/2019.

- Tại bản kết luận giám định số 621/KLGD-PC09 ngày 18/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận : Chữ ký, chữ viết mang tên Nông Thị T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết đứng tên Nông Thị T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký và viết ra. (Tài liệu ký hiệu A1, A2 là giấy hợp đồng đề ngày 04/8/2016 và giấy xin khất nợ đề ngày 05/01/2019; tài liệu M1 là biên bản ghi lời khai của Nông Thị T lập ngày 18/4/2021 tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện EaKar).

Tại bản cáo trạng số: 38/CT-VKS ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar truy tố bị cáo Nông Thị T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nông Thị T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/4/2022.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS.

- Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47N5-9710 thuộc quyền sở hữu của bà Nông Thị Song (là mẹ bị cáo T), bà Song không biết bị cáo sử dụng xe mô tô này vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ xe mô tô này là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nông Thị T phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

\* Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không bị khiếu nại, tố cáo về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, những người tham gia tố tụng khác. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào khoảng tháng 7 và tháng 8/2016 tại thôn 8 xã Ea Ô, huyện EaKar, vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo Nông Thị T đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tội danh và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS.

Tại Điều 174 BLHS quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng

*nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

*a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;*

.....”

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phải biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp là đối tượng được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà H số tiền 200.000.000 đồng. HĐXX, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. HĐXX cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng:

+ Đối với 01 giấy hợp đồng đề ngày 04/8/2016 ; 01 giấy xin khất nợ đề ngày 05/01/2019 lưu hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với yêu cầu bồi thường của bị hại bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường 200.000.000 đồng là số tiền mà bà H đã giao cho bị cáo để xin việc cho anh Hiếu nhưng bị cáo không xin được việc cho anh Hiếu. Đây là yêu cầu hợp lý và có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47N5-9710 thuộc quyền sở hữu của bà Nông Thị Song (là mẹ bị cáo T), bà Song không biết bị cáo sử dụng xe mô tô này vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ xe mô tô này là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nông Thị T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/4/2022.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nông Thị T phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nông Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng Quản lý lý lịch – Sở Tư Pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- CQĐT Công an huyện EaKar;
- CQTHAHS Công an huyện EaKar;
- Nhà tạm giữ Công an huyện EaKar;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện EaKar;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Cường Anh**